

Bản án số: 96/2024/HS-ST
Ngày: 28/5/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sỹ Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Quý.

2. Ông Nguyễn Đình Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 84/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 956/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Trung T**, tên gọi khác: không; sinh ngày 09/02/1984 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: **G N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**; chỗ ở: **G N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1945 và bà **Khuất Thị Minh P**, sinh năm 1953; có vợ tên **Trần Thụy Thùy T1**, sinh năm 1986; có 02 con sinh năm 2008 và năm 2018; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 15/01/2024 và có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Văn L**, tên gọi khác: không; sinh ngày 14/12/1961 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: không nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; chỗ ở: **6 N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**; trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Văn N**, sinh năm 1926 và bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1928 (đều đã chết); có vợ tên **Trần Thị Kim V**, sinh năm 1964 (không đăng ký kết hôn); có 02 con sinh năm 1988 và năm 1993; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 15/01/2024 và có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Lê Hữu T2**, sinh năm 1988; trú tại: **6 N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** (vắng mặt).

2. Bà **Trần Thụy Thùy T1**, sinh năm 1986; trú tại: **G N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng ma túy nhưng không biết chỗ mua nên khoảng 21 giờ 30 phút ngày 08/01/2024, **Nguyễn Trung T** gọi điện thoại cho **Lê Văn L** nói **L** đi mua ma túy và ứng trước tiền mua ma túy giùm, sau đó **T** trả tiền mua ma túy lại cho **L** và trả công bằng cách cho **L** sử dụng ma túy chung thì **L** đồng ý. **L** điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Luvias, màu đen bạc, biển số: 59T1-923.72 đến khu vực **đường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** gặp một người đàn ông (chưa rõ lai lịch) mua 01 gói ma túy đá với giá 300.000 đồng. Sau khi nhận ma túy, **L** cất giữ gói ma túy vào túi áo trước rồi điều khiển xe về chỗ **T** để cùng nhau sử dụng.

Khoảng 22 giờ 15 phút cùng ngày, khi **L** đang lưu thông đến trước địa chỉ số **I C, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** thì bị Tổ công tác 363 **Công an Thành phố H** yêu cầu dừng xe kiểm tra, đưa **L** về trụ sở **Công an phường B** làm rõ. Tại Công an phường, qua kiểm tra phát hiện trong túi áo trước ngực, bên trái **L** đang mặc có 01 gói nylon bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu (**L** khai là ma túy mua về để **L** cùng **T** sử dụng) nên Tổ công tác giao **L** cùng toàn bộ vật chứng, phương tiện liên quan cho **Công an phường B** hồ sơ vụ việc chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an Q** xử lý theo quy định. Qua truy xét, **Công an Q** triệu tập **Nguyễn Trung T** đến trụ sở làm việc.

Theo Kết luận giám định số 1071/KL-KTHS ngày 17/01/2024 của **Phòng K Công an Thành phố H** kết luận: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên **Lê Văn L** và hình dấu **Công an phường B, Quận A** là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2907g, loại Methamphetamine.

Tại cơ quan điều tra, **L** và **T** thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người liên quan, biên bản bàn giao, biên bản thu giữ vật chứng, bản ảnh và các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập được.

Đối với người đàn ông (không rõ lai lịch) đã bán ma túy cho **L**, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số 1071 (395)/2024, các chữ ký ghi tên Đại úy **Nguyễn Thanh Đ** (giám định viên), **Phùng H** (điều tra viên), bên trong có khối lượng 0,2907g ma túy loại Methamphetamine.

- Thu giữ của **Lê Văn L**: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Luvias, màu đen bạc, biển số: 59T1-923.72, số khung: RLCL1SK10DY0089692, số máy: 1SK1-008975; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo.

- Thu giữ của **Nguyễn Trung T**: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone và số tiền 500.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 93/CT-VKS-Q1 ngày 25/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố các bị cáo **Nguyễn Trung T**, **Lê Văn L** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo **Nguyễn Trung T**, **Lê Văn L** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1. Các bị cáo thừa nhận việc Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt là đúng, không oan sai.

Bà **Trần Thụy Thùy T1** trình bày: đầu năm 2024, do điện thoại của bị cáo **T** (chồng bà) bị hư nên bà cho bị cáo **T** mượn 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone để sử dụng, bà không biết bị cáo **T** sử dụng điện thoại để liên lạc với **L** hện mua ma túy để sử dụng nên xin Hội đồng xét xử cho bà được nhận lại điện thoại này.

Sau khi kiểm tra toàn bộ lời khai của các bị cáo cùng với các tài liệu chứng cứ khác được đưa ra xem xét tại phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo **Nguyễn Trung T**, **Lê Văn L** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **Nguyễn Trung T** từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo **Lê Văn L** từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng, đề nghị: Tịch thu, tiêu hủy 01 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số 1071 (395)/2024 bên trong là ma túy còn lại sau giám định. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Oppo; 01 điện thoại di động hiệu Iphone và số tiền 300.000 đồng. Trả lại cho bị cáo **Nguyễn Trung T** số tiền 200.000 đồng. Trả lại cho ông **Lê Hữu T2** 01 xe mô tô hiệu Yamaha Luvias, màu đen bạc, biển số: 59T1-923.72, số khung: RLCL1SK10DY0089692, số máy: 1SK1-008975.

Các bị cáo **Nguyễn Trung T**, **Lê Văn L** thống nhất với tội danh và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, không tranh luận, chỉ nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Trung T, Lê Văn L không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Nội dung trình bày của các bị cáo Nguyễn Trung T, Lê Văn L tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên đã có đủ cơ sở xác định: khoảng 21 giờ 30 phút ngày 08/01/2024, T gọi điện thoại nhờ L đi mua ma túy và ứng trước tiền mua ma túy giùm, sau đó T trả tiền mua ma túy lại cho L và trả công bằng cách cho L sử dụng ma túy chung. L đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 59T1-923.72 đến khu vực đường H, Quận A mua 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng của một người không rõ lai lịch cất giấu trong túi áo trước ngực rồi đi gặp T. Khoảng 22 giờ 15 phút cùng ngày, khi L điều khiển xe đến trước địa chỉ số 1 C, phường B, Quận A thì bị Tổ công tác 363- Công an Thành phố H yêu cầu dừng xe và đưa L về trụ sở Công an phường B kiểm tra. Qua kiểm tra, phát hiện trong túi áo trước ngực, bên trái L đang mặc có 01 gói nylon bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu. Từ lời khai của L, Cơ quan điều tra đã triệu tập và bắt giữ Nguyễn Trung T.

[3] Tại bản Kết luận giám định số 1071/KL-KTHS ngày 17/01/2024 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Lê Văn L và hình dấu Công an phường B, Quận A là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2907g, loại Methamphetamine.

[4] Từ nội dung đã nhận định từ mục [1] đến mục [3] có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Nguyễn Trung T, Lê Văn L đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bản Cáo trạng đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý, nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, không những gây mất trật tự trị an, sức khỏe con người, mà còn làm tha hóa thanh thiếu niên, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh

nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Bản thân các bị cáo nhận thức rõ tác hại của ma túy nhưng vẫn cố tình phạm tội.

[6] Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về nhân thân: các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

[10] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo: trong vụ án này, các bị cáo **T**, **L** phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, bị cáo **T** là người khởi xướng, bị cáo **L** là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội ứng tiền trước, trực tiếp đi mua ma túy về để cùng nhau sử dụng. Xét quá trình điều tra các bị cáo đã tích cực hợp tác khai báo hành vi phạm tội, khối lượng ma túy bị thu giữ và phải chịu trách nhiệm hình sự nằm ở đầu khung hình phạt nên chỉ cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng riêng, giáo dục các bị cáo và ngăn ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[11] Về hành vi của đối tượng liên quan: Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho **Lê Văn L**, do **L** khai không rõ nhân thân, lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

[12] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021:

- Đối với số ma túy còn lại sau giám định là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng thu giữ của bị cáo **T**, **T** khai sử dụng số tiền này để trả cho **L** 300.000 đồng tiền mua ma túy. Số tiền 300.000 đồng là tiền dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước. Trả lại cho bị cáo **T** số tiền còn lại là 200.000 đồng.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO thu giữ của bị cáo **Lê Văn L**. Bị cáo sử dụng điện thoại để liên lạc với **T** hẹn đi mua ma túy về để cùng **T** sử dụng. Đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone thu giữ của bị cáo **Nguyễn Trung T**, **T** khai đây là điện thoại của bà **Trần Thụy Thùy T1** vợ của **T**. Bà **T1** khai mua điện thoại trên vào tháng 9/2022 với giá 1.291 USD từ cửa hàng trực

tuyến của Công ty A, có hóa đơn điện tử. Khoảng đầu năm 2024, do điện thoại của T bị hư nên bà T1 cho T mượn điện thoại để sử dụng, bà không biết T sử dụng điện thoại liên lạc với L để mua ma túy nên trả lại điện thoại trên cho bà Trần Thủy Thùy T1.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Luvias, màu đen bạc, biển số: 59T1-923.72, số khung: RLCL1SK10DY0089692, số máy: 1SK1-008975 thu giữ của Lê Văn L. Qua xác minh, xe do ông Lê Hữu T2 con ruột của bị cáo L đứng tên sở hữu. Ông T2 khai cho bị cáo L mượn xe mô tô trên làm phương tiện đi lại và chạy xe ôm chở khách, ông T2 không biết bị cáo L sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội nên trả lại cho ông Lê Hữu T2.

[13] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trung T, Lê Văn L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/01/2024.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Văn L 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/01/2024.

3. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 gói niêm phong bên ngoài ghi vụ số 1071 (395)/2024, các chữ ký ghi tên Đại úy Nguyễn Thanh Đ (giám định viên), Phùng H (điều tra viên) (bên trong là phần ma túy còn lại sau giám định).

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và 01 điện thoại di động hiệu Oppo, Imei 1: 869563049169219, Imei 2: 869563049169201 (đã qua sử dụng, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trung T số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

- Trả lại cho bà **Trần Thụy Thùy T1**: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, Imei 1: 357397700566994, Imei 2: 357397700610586 (đã qua sử dụng, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong).

- Trả lại cho ông **Lê Hữu T2**: 01 (một) xe mô tô biển số 59T1-923.72, số máy: 1SK1-008975, số khung: RLCL1SK10DY008962 (đã qua sử dụng, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong).

(Tất cả vật chứng trên theo phiếu nhập kho vật chứng số 29/2024/PNK-THAHS ngày 20/01/2024, số 28/2024/PNK-THAHS ngày 03/4/2024 và số 118/2024/PNK-THAHS ngày 03/4/2024 của **Đ1 Công an Q**, Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo **Nguyễn Trung T**, **Lê Văn L**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021, các bị cáo **Nguyễn Trung T**, **Lê Văn L**, bà **Trần Thụy Thùy T1** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông **Lê Hữu T2** vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật thi hành án dân sự) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM; (1)
- VKSND Quận 1, TP.HCM; (3)
- Bị cáo; (2)
- Nhà tạm giữ Công an Quận 1; (2)
- Cơ quan THA-HS có thẩm quyền; (2)
- Phòng PV06-CA TP.HCM; (1)
- Công an Quận 1; (1)
- Chi cục THADS Quận 1; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Đường sự; (2)
- Lưu: VP, hồ sơ./. (P/23) (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sỹ Hùng